

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Văn Cung**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc ***“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp B, xã PTA, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn:* Chị **Trương Kim Th**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp B, xã PTA, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Anh B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2022, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh **Bùi Văn B** trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị **Trương Kim Th** xây dựng hôn nhân năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTA, huyện P. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên được một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh và chị Th đã ly thân với nhau từ tháng 9/2021 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay anh và chị Th không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, hơn nữa tình cảm vợ chồng cũng không còn nên nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Trương Kim Th**.

*Về con chung:* Quá trình chung sống anh và chị Th có ba người con chung tên **Bùi Hoàng Kh**, sinh ngày 12/3/2012, **Bùi Tường L**, sinh ngày 23/11/2013 và **Bùi**

Khiên E, sinh ngày 08/10/2017, hiện tại ba người con chung đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi ba người con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng.

*Về tài sản chung và nợ:* Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Kim Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị Th vắng mặt không có lý do.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, cho anh B được ly hôn với chị Th; về con chung đề nghị giao cháu Bùi Hoàng Kh, sinh ngày 12/3/2012, cháu Bùi Tường L, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Bùi Khiên E, sinh ngày 08/10/2017 cho anh B tiếp tục, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh B không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh Bùi Văn B yêu cầu ly hôn với chị Trương Kim Th, chị Th có địa chỉ thường trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Bùi Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị Th là phù hợp quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Th tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh B và chị Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo anh B trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa nên anh và chị Th đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay, trong khoảng thời gian này mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, các bên cũng không có biện pháp hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Mặc khác chị Th đã được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ chị Th không có thiện chí đoàn tụ, xét thấy mâu thuẫn của anh B và chị Th lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, cho anh B được ly hôn với chị Trương Kim Th.

[4] Về con chung: Anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi ba người con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hay mẹ phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt để đảm bảo cho con chung có điều kiện sống tốt nhất; tại biên bản tiếp xúc con chưa thành niên cùng ngày 07/6/2022, cháu Lam và cháu Khiên có nguyện vọng sống cùng với anh B, hơn nữa từ lúc ly thân đến nay các con chung đã sống ổn định với anh B. Do đó, trên cơ sở cân nhắc về quyền lợi và nguyện vọng của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bùi Hoàng Kh, sinh ngày 12/3/2012, cháu Bùi Tường L, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Bùi Khiên E, sinh ngày 08/10/2017 cho anh B tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Anh B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Bùi Văn B phải nộp 300.000 đồng, chị Th không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### *Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn B được ly hôn với chị Trương Kim Th.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Hoàng Kh, sinh ngày 12/3/2012, cháu Bùi Tường L, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Bùi Khiên E, sinh ngày 08/10/2017 cho anh B tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Bùi Văn B phải nộp 300.000đ; anh B đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005199 ngày 16/5/2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã PTA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Văn Cung**





